NỘI DUNG ÔN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11

NĂM HỌC 2023-2024

HỌC SINH HOÀ NHẬP

# PHẦN TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Đối với ngân sách nhà nước, khi thất nghiệp tăng cao sẽ làm cho chi ngân sách nhà nước có xu hướng

**A.** giảm. **B.** không đổi.

**C.** tăng. **D.** ổn định.

**Câu 2:** Cung là khối lượng hàng hóa, dịch vụ

1. mà người tiêu dùng cần mua trong thời kỳ nhất định.
2. do các doanh nghiệp sản xuất đưa ra thị trường.
3. đang lưu thông trên thị trường.
4. mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho thị trường.

**Câu 3:** Đối với người lao động, khi bị thất nghiệp sẽ làm cho đời sống

**A.** ngày càng sung túc. **B.** có khả năng cải thiện.

**C.** được cải thiện đáng kể. **D.** gặp nhiều khó khăn.

**Câu 4:** Trong nền kinh tế thị trường, do có yếu tố tác động làm tổng cầu tăng cao nhưng tổng cung không thay đổi dẫn đến mức giá chung tăng lên, từ đó sẽ gây ra hiện tượng

**A.** suy thoái. **B.** thất nghiệp.

**C.** khủng hoảng. **D.** lạm phát.

**Câu 5:** Việc làm nào dưới đây của nhà nước sẽ góp phần kiềm chế và kiểm soát lạm phát trong nền kinh tế?

**A.** Giảm cung tiền lưu thông. **B.** In thêm tiền.

**C.** Hạn chế tiêu dùng. **D.** Giảm năng suất lao động.

**Câu 6:** Trong nền kinh tế, căn cứ vào tính chất, thất nghiệp được chia thành thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp

**A.** bắt buộc. **B.** không tự nguyện.

**C.** theo ý muốn. **D.** tạm thời.

**Câu 7:** Trong kinh tế thị trường, việc phân chia thất nghiệp thành thất nghiệp tự nguyện, thất nghiệp không tự nguyện là căn cứ vào

**A.** nguồn gốc thất nghiệp. **B.** cơ cấu thất nghiệp.

**C.** chu kỳ thất nghiệp. **D.** tính chất của thất nghiệp.

**Câu 8:** Giá xăng dầu gần đây liên tục tăng, kéo theo chi phí vận chuyển tăng dẫn đến chi phí sản xuất tăng và doanh nghiệp buộc phải đẩy phần chi phí này lên cho người tiêu dùng bằng cách tăng giá bán để bảo toàn lợi nhuận. Hiện tượng lạm phát trên là do

**A.** giá cả tăng. **B.** năng suất lao động tăng.

**C.** chi phí sản xuất tăng. **D.** cầu tăng.

**Câu 9:** Khi lạm phát xảy ra làm cho giá cả hàng hóa không ngừng tăng, dẫn đến tình trạng nào dưới đây trong nền kinh tế?

**A.** Tạo việc làm cho người lao động. **B.** Đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh.

**C.** Tăng năng suất lao động. **D.** Đầu cơ tích trữ hàng hóa.

**Câu 10:** Một trong những nguyên nhân dẫn đến lạm phát trong nền kinh tế là do

**A.** chi phí sản xuất giảm. **B.** giá cả tăng.

**C.** cầu tăng. **D.** cầu giảm.

**Câu 11:** Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và việc ứng dụng máy móc, công nghệ là

**A.** thất nghiệp tự nguyện. **B.** thất nghiệp cơ cấu.

**C.** thất nghiệp tạm thời. **D.** thất nghiệp chu kỳ.

**Câu 12:** Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

**A.** thu nhập, sở thích. **B.** điều kiện sản xuất.

**C.** lợi nhuận thu được. **D.** trình độ chuyên môn.

**Câu 13:** Sự ganh đua giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa để thu được lợi nhuận tối đa là nội dung của

**A.** cạnh tranh. **B.** sản xuất.

**C.** kinh doanh. **D.** cung cầu.

**Câu 14:** Khi người lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm gọi là

**A.** thất nghiệp. **B.** mất việc.

**C.** lao động. **D.** lạm phát.

**Câu 15:** Trong nền kinh tế, khi chi phí và các yếu tố đầu vào tăng cao dẫn đến các doanh nghiệp

**A.** giữ nguyên quy mô sản xuất. **B.** thu hẹp quy mô sản xuất.

**C.** đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa. **D.** mở rộng quy mô sản xuất.

**Câu 16:** *Phương án nào dưới đây là đúng?*

**A.** Giá cả tăng do cung < cầu. **B.** Giá cả tăng do cung ≤ cầu.

**C.** Giá cả tăng do cung = cầu. **D.** Giá cả tăng do cung > cầu.

**Câu 17:** Với loại hình thất nghiệp chu kỳ, khi nền kinh tế phát triển, các ngành sản xuất không ngừng mở rộng thì tỷ lệ thất nghiệp thường có xu hướng

**A.** cao. **B.** giữ nguyên.

**C.** cân bằng. **D.** thấp.

**Câu 18:** Ngành X thu hẹp quy mô sản xuất dẫn đến nhiều lao động bị mất việc. Trong trường hợp này gọi là

**A.** thất nghiệp tạm thời. **B.** thất nghiệp cơ cấu.

**C.** thất nghiệp tự nguyện. **D.** thất nghiệp chu kì

**Câu 19:** Đối với xã hội, khi lạm phát xảy ra sẽ khiến cho thu nhập thực tế của người lao động có xu hướng

**A.** giảm. **B.** tăng.

**C.** không đổi. **D.** ổn định.

**Câu 20:** Khi mức độ tăng của giá cả hàng hóa, dịch vụ ở một con số thì nền kinh tế ở mức

**A.** lạm phát tích cực. **B.** lạm phát vừa phải.

**C.** siêu lạm phát. **D.** lạm phát phi mã.

**Câu 21:** Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là do

**A.** năng suất lao động tăng. **B.** chi phí sản xuất giảm.

**C.** chi phí sản xuất tăng. **D.** các yếu tố đầu vào giảm.

**Câu 22:** Trong nền kinh tế, nếu lạm phát càng tăng thì giá trị đồng tiền sẽ

**A.** giảm xuống. **B.** không đổi.

**C.** tăng theo. **D.** sinh lời.

**Câu 23:** Trong nền kinh tế, mối quan hệ giữa mức tăng của lạm phát với giá trị của đồng tiền là

**A.** cân bằng. **B.** tỷ lệ thuận.

**C.** độc lập. **D.** tỷ lệ nghịch.

**Câu 24:** Phương án nào dưới đây lí giải nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

1. Do lợi ích của các chủ thể kinh tế khác nhau.
2. Do thu lợi nhuận tối đa.
3. Do quan hệ cung cầu.
4. Do nền kinh tế thị trường phát triển.

**Câu 25:** Khi trên thị trường giá cả sữa bột giảm thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

**A.** Cung tăng, cầu giảm. **B.** Cung giảm, cầu tăng.

**C.** Cung và cầu giảm. **D.** Cung và cầu tăng.

**Câu 26:** Dấu hiệu cơ bản để nhận biết nền kinh tế đang ở trong thời kỳ lạm phát đó là

1. nhu cầu của người tiêu dùng giảm.
2. giá cả hàng hóa, dịch vụ giảm liên tục.
3. nguồn cung hàng hóa tăng.
4. giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng liên tục.

**Câu 27:** Lạm phát được phân chia thành những loại nào dưới đây?

1. Lạm phát vừa phải, lạm phát phi mã, siêu lạm phát.
2. Lạm phát vừa phải, lạm phát phi mã, lạm phát nghiêm trọng.
3. Lạm phát thấp, lạm phát trung bình, lạm phát cao.
4. Lạm phát ngắn hạn, lạm phát trung hạn, lạm phát dài hạn.

**Câu 28:** Khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định được gọi là

**A.** cạnh tranh. **B.** cầu.

**C.** cung. **D.** nhu cầu.

**Câu 29:** Đối với nền kinh tế, khi thất nghiệp tăng cao sẽ lãng phí

**A.** tài nguyên thiên nhiên. **B.** ngân sách nhà nước.

**C.** hàng hóa, dịch vụ. **D.** nguồn nhân lực.

**Câu 30:** Cung cầu trên thị trường bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào dưới đây?

**A.** Chất lượng hàng hóa. **B.** Người sản xuất.

**C.** Thu nhập. **D.** Giá cả.

**Câu 31:** Trong nền kinh tế, khi lạm phát ở mức vừa phải thì giá cả hàng hóa, dịch vụ thường tăng ở mức

**A.** một con số. **B.** hai con số.

**C.** không đáng kể. **D.** ba con số.

**Câu 32:** Việc phân chia các loại hình thất nghiệp thành thất nghiệp tạm thời, thất nghiệp cơ cấu, thất nghiệp chu kì là căn cứ vào

**A.** nguyên nhân của thất nghiệp. **B.** nguồn gốc của thất nghiệp.

**C.** chu kỳ thất nghiệp. **D.** tính chất của thất nghiệp.

**Câu 33:** Khi lượng tiền phát hành vượt quá mức cần thiết làm xuất hiện tình trạng người giữ tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một đơn vị hàng hoá, làm cho giá cả hàng hoá leo thang sẽ gây ra hiện tượng

**A.** thất nghiệp. **B.** cạnh tranh.

**C.** lạm phát. **D.** tích trữ.

**Câu 34:** Hành vi nào sau đây của các chủ thể kinh tế thể hiện vai trò của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa?

**A.** Làm ảnh hưởng môi trường sinh thái. **B.** Khai thác hiệu quả mọi nguồn lực.

**C.** Điều tiết sản xuất hàng hóa. **D.** Thúc đẩy hiện tượng lạm phát.

**Câu 35:** Khi nhu cầu của người tiêu dùng về mặt hàng nào đó tăng cao thì người sản xuất sẽ làm theo phương án nào dưới đây?

**A.** Tái cơ cấu sản xuất. **B.** Giữ nguyên quy mô sản xuất.

**C.** Mở rộng sản xuất. **D.** Thu hẹp sản xuất.

**Câu 36:** Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong kinh tế thị trường?

**A.** Tìm mọi cách thu lợi nhuận tối đa. **B.** Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**C.** Tăng cường đầu cơ tích trữ. **D.** Hủy hoại tài nguyên môi trường.

**Câu 37:** Đối với người lao động, khi bị thất nghiệp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến yếu tố nào dưới đây?

**A.** Cơ hội. **B.** Thu nhập.

**C.** Địa vị. **D.** Tuổi thọ.

**Câu 38:** Một trong những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là trong quá trình sản xuất có sự tăng giá của

**A.** các loại hàng hóa. **B.** các yếu tố đầu vào.

**C.** lượng cung. **D.** hàng hóa, sản phẩm.

**Câu 39:** Việc người lao động đang trong quá trình chuyển việc nên chưa có việc làm được gọi là

**A.** thất nghiệp chu kì. **B.** thất nghiệp không tự nguyện.

**C.** thất nghiệp tạm thời. **D.** thất nghiệp cơ cấu.

**Câu 40:** Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả hàng hóa, dịch vụ ở hai con số, nghĩa là

**A.** lạm phát. **B.** lạm phát vừa phải.

**C.** lạm phát phi mã. **D.** siêu lạm phát.

**Câu 41:** Khi lạm phát xảy ra, trong xã hội hiện tượng nào dưới đây có xu hướng gia tăng?

**A.** Thu nhập thực tế. **B.** Sản lượng.

**C.** Phân hóa giàu nghèo. **D.** Thất nghiệp.

**Câu 42:** Về mặt xã hội, khi thất nghiệp tăng cao dẫn đến phát sinh nhiều

**A.** công ty mới thành lập. **B.** hiện tượng xã hội tốt.

**C.** tiêu cực, tệ nạn xã hội. **D.** người thu nhập cao.

 **Câu 43**: *Các xu hướng tuyển dụng trên thị trường lao động thường gắn liền với điều gì?*

1. Chiến lược, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước
2. Các ý tưởng tiềm năng của các nhà sử dụng lao động thành công
3. Các chủ trương, chính sách của doanh nghiệp
4. Các chính sách phát triển của các tập đoàn lớn, có tầm ảnh hưởng rộng

 **Câu 44:** *Đâu được coi là điểm trung gian kết nối cung – cầu lao động thông qua các phiên giao dịch việc làm, các thông tin tuyển dụng đến người lao động?*

 **A.** Thị trường lao động. **B.** Thị trường việc làm

 **C.** Thị trường nhân công **D.** Thị trường người lao động

**Câu 45:** Các yếu tố cấu thành lên thị trường lao động là gì?

1. Thị yếu của người lao động, cung và cầu
2. Cung, cầu và giá cả sức lao động
3. Mục đích lao động, người lao động và giá cả sức lao động
4. Các công việc yêu thích của người lao động, giá cả sức lao động và cung

# PHẦN TỰ LUẬN

**Câu 1:** Hãy cho biết tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh.

*Tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh:*

*+ Là cơ sở để định hướng mọi hoạt động kinh doanh như lập kế hoạch, đánh giá phương án, triển khai, giám sát,…*

*+ Tạo ra tính chủ động và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.*

**Câu 2:**Em hãy cho biết các năng lực cần thiết của người kinh doanh.

*Những năng lực cần thiết của người kinh doanh:*

*+ Năng động, sáng tạo.*

*+ Chuyên môn nghiệp vụ.*

*+ Quản lí, lãnh đạo.*

*+ Thiết lập quan hệ, nắm bắt thông tin.*

*+ Dự báo và kiểm soát rủi ro.*

*+ Huy động, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.*

*+ Ý chí, khát vọng đổi mới, vươn lên…*

**Câu 3:**Biểu hiện của đạo đức trong kinh doanh được thể hiện ở những nguyên tắc nào?

*Biểu hiện của đạo đức trong kinh doanh được thể hiện ở những nguyên tắc:*

* *Tính trung thực.*
* *Tôn trọng con người.*
* *Gắn liền lợi ích của doanh nghiệp cùng với lợi ích khách hàng, xã hội.*
* *Coi trọng hiệu quả với trách nhiệm xã hội.*
* *Giữ bí mật, trung thành với trách nhiệm.*